

THƯ VIỆN ĐỒNG THÁP



SAVL11.271

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP
HỘI KHOA HỌC LỊCH SỬ ĐỒNG THÁP
Phường 1, Thị xã Cao Lãnh

ĐỒNG THÁP NHÂN VẬT CHÍ

Tập III
(P – Y)

Nguyễn Đắc Hiền

Tháng 9- 2005

TÀI LIỆU THAM KHẢO

800

SAVL11.271

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP
HỘI KHOA HỌC LỊCH SỬ ĐỒNG THÁP
Phường 1, Thị xã Cao Lãnh

ĐỒNG THÁP NHÂN VẬT CHÍ

Tập III
(P – Y)

Nguyễn Đắc Hiền

Tháng 9- 2005

TÀI LIỆU THAM KHẢO

THƯ VIỆN ĐỒNG THÁP
PHÒNG TRA CỨU

SA VL 11. 271

MỤC LỤC

77 NỘI DUNG

TRANG

130 Nguyễn Văn Phấn

133 Nguyễn Văn Phấn

136 Lê Phấn

140 Nguyễn Văn Phấn

144 Nguyễn Thị Phấn

152 Nguyễn Đoàn Phương

168 Lê Kim Phương

169 Nguyễn Thanh Phương

176 Nguyễn Xuân Phương

177 Nguyễn Văn Phấn

172 Trần Văn Phúc

173 Trần Kim Phúc

174 Nguyễn Thị Phước

175 Võ Minh Quang

176 Lê Tâm Quang

177 Trần Văn Quốc

178 Nguyễn Quý Văn

179 Lê Văn Sơn

180 Lê Quốc Sơn

181 Hồ Thị Sơn

182 Lê Văn Sơn

183 Trương Thị Sơn

184 Nguyễn Xuân Sơn

185 Hồ Thị Sơn

186 Trần Trung Sĩ

187 Mai Thị Sơn

188 Phạm Đức Sơn

189 Phạm Văn Sơn

190 Dương Hữu Tài

191 Lâm Văn Tài

192 Nguyễn Đăng Tâm

193 Hoàng Thị Tâm

194 Nguyễn Xuân Tâm

ĐỒNG THÁP NHÂN VẬT CHÍ

Tập III

từ P đến V

Nhóm thực hiện:

Chủ nhiệm đề tài: Nguyễn Đắc Hiền

Tổ chức bản thảo: Nguyễn Hữu Hiếu

Sưu tầm & biên soạn:

Nguyễn Đắc Hiền

Nguyễn Hữu Hiếu

Ngô Xuân Tư

Lê Đức Hoà

Lê Kim Hoàng

Ngô Văn Bé

Phạm Trọng Tuy

MỤC LỤC

<i>TT</i>	<i>NỘI DUNG</i>	<i>TRANG</i>
162.	Nguyễn Văn Phàn	1
163.	Nguyễn Văn Phát	3
164.	Võ Phát	5
165.	Nguyễn Văn Phấn	6
166.	Nguyễn Thị Phiến	8
167.	Nguyễn Doãn Phong	10
168.	Lưu Kim Phong	11
169.	Nguyễn Thanh phong	13
170.	Nguyễn xuân Phong	15
171.	Nguyễn Văn Phối	16
172.	Trần Văn Phục	17
173.	Trần Kim Phụng	19
174.	Nguyễn Thị Phước	21
175.	Võ Minh Quang	22
176.	Lê Tâm Quảng	23
177.	Trần Tấn Quốc	24
178.	Nguyễn Quyền	26
179.	Lê Văn Sa	28
180.	Lê Quốc Sản	30
181.	Hà Thị Sạn	31
182.	Lê Văn Sao	32
183.	Trương Thị Sáu	34
184.	Nguyễn Sinh Sắc	35
185.	Bùi Thị Sâm	37
186.	Trần Trung Sĩ	39
187.	Mai Thị Sô	40
188.	Phạm Đức Sơn	42
189.	Phạm Văn Sử	43
190.	Dương Hữu Tài	45
191.	Lâm Tấn Tài	46
192.	Nguyễn Đăng Tam	48
193.	Phùng Thị Tám	49
194.	Nguyễn Xuân Tăng	50

195. Nguyễn Phước Tân	51
196. Phạm Thị Thà	53
197. Trương Thị Thành	55
198. Đinh Trung Thành	56
199. Bùi Quang Thạnh	57
200. Nguyễn Thị Thạnh - Trần Văn Thành	58
201. Lê Văn Thận	60
202. Nguyễn Thị Thảo	61
203. Đoàn Văn Thắng	63
204. Tạ Thu Thâu	64
205. Trần Văn Thế	65
206. Lý Duy Thiện - Lý Duy Sơn	66
207. Nguyễn Xuân Thiếp	68
208. Phan Văn Thiếp	70
209. Ngô Phú Thọ	72
210. Trần Thị Thu	73
211. Dương Công Thuận	74
212. Phạm Nhơn Thuận	76
213. Đốc Binh Thuận	77
214. Đinh Hữu Thuật	78
215. Trần Hữu Thường	79
216. Đoàn Văn Thượng	81
217. Nguyễn Văn Tiệp	82
218. Lâm Thanh Tòng	83
219. Nguyễn Thị Tỏ	84
220. Nguyễn Văn Tre	86
221. Nguyễn Minh Trí	87
222. Nguyễn Văn Trí	88
223. Võ Văn Trí	89
224. Nguyễn Trọng Trì	90
225. Nguyễn Văn Tròn	92
226. Nguyễn Văn Trọng	94
227. Trương Vĩnh Trọng	95
228. Võ Quốc Trung	96
229. Đoàn Phước Truyền	97
230. Phan Lương Trục	99
231. Nguyễn xuân Trường	101
232. Nguyễn Tú	103
233. Nguyễn Đình Tuấn	104
234. Nguyễn Văn Tuyên	105

235. Nguyễn Hoàng Tư	106
236. Lê Thị Tư	107
237. Phạm Thị Tư	108
238. Trương Thị Tư	109
239. Phạm Văn Tứ	110
240. Lê Thị Tước	112
241. Đỗ Công Tường	114
242. Phạm Thị Uẩn	116
243. Nguyễn Văn Út	118
244. Phan Văn Út	120
245. Nguyễn Như Văn	122
246. Phạm Văn Vẽ	124
247. Lê Văn Vĩ	126
248. Nguyễn Văn Vĩ	127
249. Lê Quang Viễn	129
250. Võ Thị Việt	131
251. Nguyễn Văn Vóc	133
252. Nguyễn Văn Voi	135
253. Nguyễn Long Xảo	136
254. Nguyễn Hữu Xuyên	137
255. Nguyễn Thị Ngọc Xuyên	138
256. Đỗ Văn Y	140
257. Trương Thị Y	141
258. Lê Thị Yên	143

Tài liệu tham khảo

NGUYỄN VĂN PHÀN

(Sáu Chung)

(1916 -)

Năm 1936 được 20 tuổi, ông Nguyễn Văn Phàn tham gia hoạt động cách mạng tại quê nhà làng Tân Thuận Tây, quận Cao Lãnh, tỉnh Sa Đéc (nay là xã Tân Thuận Tây, thị xã Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp), tuyên truyền, vận động, tổ chức thanh niên, nông dân đấu tranh chống Pháp và bí mật bán báo Dân chúng, tờ báo cách mạng trong nhân dân.

Năm 1944, ông tổ chức và lãnh đạo Xung phong đội xã Tân Thuận Tây, luyện tập võ nghệ cho thanh niên, chuẩn bị cho cuộc khởi nghĩa. Ngày 25-8-1945, ông trực tiếp lãnh đạo lực lượng võ trang và nhân dân trong xã tham gia cướp chánh quyền ở quận Cao Lãnh và sau đó chỉ viện giành chánh quyền ở tỉnh Sa Đéc.

Bắt đầu cuộc kháng chiến chống Pháp, ông làm Trưởng ban Tự vệ chiến đấu quận Cao Lãnh, chống Pháp tái chiếm Cao Lãnh. Năm 1948 ông là Huyện ủy viên, Huyện đội trưởng Cao Lãnh. Năm 1950, ông được đề bạt Tỉnh đội phó, Ủy viên liên chi ủy Tỉnh đội Sa Đéc. Năm 1951, ông là Tỉnh đội phó tỉnh Đồng Tháp (tỉnh căn cứ địa ở Đồng Tháp Mười) mới thành lập. Sáu tháng sau tỉnh Đồng Tháp giải thể, ông được điều động về làm Huyện đội trưởng Cao Lãnh rồi Huyện đội trưởng Tân Hồng, tỉnh Long Châu Sa.

Sau đình chiến tháng 7-1954, ông được phân công ở lại miền Nam và rút vào hoạt động bí mật, là Huyện ủy viên Huyện ủy Hồng Ngự và là cán bộ Binh vận tỉnh, đại diện Mặt trận Liên Việt tỉnh phụ trách Hòa Hảo vận. Lúc này lực lượng võ trang giáo phái Hòa Hảo Trần Văn Soái (Năm Lửa) thân Pháp mâu thuẫn với Diệm, ông được cử ra tiếp xúc, giúp đỡ lực lượng Hòa Hảo rút vô Đồng Tháp Mười chống Diệm.

Năm 1957 ông làm Bí thư Huyện ủy Hồng Ngự và sau khi củng cố lại Ban chỉ huy tiểu đoàn 2 mang danh Quân Giải phóng Bình Xuyên, ông được Tỉnh ủy điều động về làm Chánh trị viên tiểu đoàn. Chỉ sau ba ngày đổi tên tiểu đoàn 502, ông cùng Ban chỉ huy tiểu đoàn và đơn vị Bảy Phú, Năm Bình phục kích đánh bại cuộc hành quân cấp trung đoàn của địch, tiêu diệt gọn 2 đại đội và Ban chỉ huy tiểu đoàn địch tại Giồng Thị Đam và Gò Quán Cung ngày 26-9-1959. Cuối năm 1959 ông là Tỉnh ủy viên, Chánh trị viên, Trưởng ban Cán sự Tỉnh đội Kiến Phong. Năm 1961 ông được đề bạt Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chánh trị viên Tỉnh đội Kiến Phong.

Năm 1963 ông được điều động về khu nhận nhiệm vụ Chánh ủy Hậu cần Quân khu 8 (Trung Nam Bộ), Phó Bí thư Đảng ủy Phòng Hậu cần. Đầu năm 1971, ông được biệt phái sang hệ dân đảng làm Giám đốc Sở Thương binh Xã hội khu 8. Đến tháng 3-1976 giải thể cấp khu, ông được rút lên cơ

quan Thương binh xã hội miền Nam và Bộ Thương binh Xã hội. Tháng 3-1979, ở tuổi 60, ông trở về tỉnh nhà nhận nhiệm vụ Chủ nhiệm Công ty chế biến Lâm sản tỉnh Đồng Tháp, đến 1982 là Trưởng ty rồi Giám đốc Sở Lâm nghiệp Đồng Tháp đến 1985.

Về hưu, dù tuổi cao sức yếu, ông tham gia hoạt động trong Câu lạc bộ hưu trí tỉnh, làm Chủ nhiệm, cho đến khi bị té gãy chân không đi lại được ông mới thôi.

Quá trình cống hiến to lớn cho Đảng, cho dân, ông đã được tặng thưởng nhiều Huân chương, Huy chương cao quý, trong đó có Huân chương Độc Lập hạng Nhì, Huân chương Kháng chiến hạng Nhứt, Huy hiệu 50 năm tuổi Đảng.

Ngoài là nhà lãnh đạo quân sự, chánh trị già dặn, ông còn là một nghệ nhân giỏi sử dụng nhiều nhạc cụ dân tộc, nòng cốt trong phong trào cổ nhạc ở quê nhà.

Ông hiện ngụ ở phường 1 thị xã Cao Lãnh.

NGUYỄN VĂN PHÁT (1909-1982)

Ông Nguyễn Văn Phát sinh ngày 14 tháng 1 năm 1909, tại làng Hội An, quận Châu Thành, tỉnh Sa Đéc (nay là xã Hội An Đông, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp). Học hết tú tài (Pháp) ông tham gia hoạt động yêu nước, cách mạng. Tháng 6-1927 đi Quảng Châu (Trung Quốc) dự khóa huấn luyện do Tổng bộ Việt Nam Thanh niên Cách mạng đồng chí Hội mở và được kết nạp vào Hội tháng 11-1927 tại Quảng Châu.

Suốt quá trình hoạt động cách mạng, ông Nguyễn Văn Phát bất chấp khó khăn gian khổ, vượt qua những đòn tra tấn dã man, tù đầy Côn Đảo của kẻ thù, giữ vững ý chí chiến đấu, phấn đấu hết mình cho sự nghiệp cách mạng của Đảng. Với đồng chí, đồng đội, ông rất mực yêu thương, tận tình chăm sóc, giúp đỡ. Nhờ thế mà ông tập hợp được lực lượng quần chúng, đoàn kết được nội bộ, hoàn thành nhiệm vụ được giao.

Gần nửa thế kỷ đấu tranh vì độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, ông Nguyễn Văn Phát được Đảng và Nhà nước giao các nhiệm vụ quan trọng:

Năm 1928-1929: Bí thư Tỉnh bộ Thanh niên Cách mạng đồng chí Hội tỉnh Sa Đéc; giáo viên trường Sa Đéc học đường (do Thanh niên Cách mạng đồng chí Hội lập); làm biên tập, in và phát hành Báo Công nông binh và Tập san Bôn-xê-vích vùng Sài Gòn - Chợ Lớn.

Năm 1929-1934: bị địch bắt giam ở Côn Đảo.

Năm 1935-1940: công tác trong phong trào vận động dân chủ của Đảng ở Vĩnh Long - Sài Gòn.

Năm 1941-1945: ông đứt liên lạc với tổ chức.

Tháng 6-1945-1946: ủy viên Ban lãnh đạo khởi nghĩa ở Vĩnh Long; thành viên Ban lãnh đạo công tác Đảng (lúc chưa thành lập Tỉnh ủy); Chủ tịch Ủy ban Hành Chánh rồi Chủ tịch Ủy ban Kháng chiến Hành chánh tỉnh Vĩnh Long (8/1945 - 2/1946).

Năm 1946-1947: Tỉnh ủy viên Vĩnh Long, ủy viên Ban xã hội tỉnh Vĩnh Long; Đại biểu Quốc hội khóa I (đơn vị bầu cử tỉnh Vĩnh Long).

Năm 1947-1948: công tác trong phái đoàn Việt Nam giúp Cao Miên.

1948-1953: Tổng thư ký Mặt trận Liên Việt Nam Bộ; ủy viên Ban Mặt trận Trung ương cục- miền Nam.

Năm 1954 tập kết ra miền Bắc.

Năm 1957-1971: chuyên viên Bộ Ngoại giao; Tham tán tại Đại sứ quán Việt Nam tại Bungari; Đại sứ Việt Nam tại Algerie; Vụ Trưởng vụ

Nghiên cứu tư liệu Bộ Ngoại giao. Ông là Đại biểu Quốc hội các khóa I, II và III.

Tháng 9-1971, ông được nghỉ hưu tại Hà Nội. Sau ngày thống nhất đất nước, ông và gia đình về thành phố Hồ Chí Minh. Ông được tặng thưởng Huân chương Độc lập hạng Nhứt, Huân chương Kháng chiến hạng Nhứt, Huy hiệu Thành đồng Tổ quốc.

Ông Nguyễn Văn Phát từ trần ngày 2-9-1982, hưởng thọ 73 tuổi, hỏa táng tại thành phố Hồ Chí Minh.

VÕ PHÁT **(1918- 1989)**

Ông Võ Phát (Tư Võ) sanh ngày 2-3-1918, tại làng Mỹ An Hưng, tổng An Thạnh Thượng, quận Châu Thành, tỉnh Sa Đéc (nay là xã Mỹ An Hưng B, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp).

Xuất thân trong gia đình giàu có, được giáo dục học hành tốt, sớm tiếp thu tư tưởng yêu nước tiến bộ, ông tham gia hoạt động trong tổ chức cách mạng do Đảng Cộng sản lãnh đạo từ trước năm 1945. Cách mạng Tháng Tám thành công, ông được bầu vào Tỉnh ủy Sa Đéc, phụ trách công tác Thông tin liên lạc.

Tháng 10 năm 1949 được bầu làm Bí thư Tỉnh ủy Sa Đéc, đến tháng 6 năm 1951 khi tỉnh Long Châu Sa được thành lập, ông được bổ nhiệm làm Bí thư Tỉnh ủy tỉnh Long Châu Sa cho đến tháng 12-1952. Sau đó được rút lên Khu 8 và Miền.

Thi hành Hiệp định Genève ông tập kết ra miền Bắc, được phong cấp Đại tá phụ trách Cục hậu cần miền (B2). Sau chuyển ngành qua làm Thứ trưởng Bộ Lương thực kiêm Tổng Giám đốc Tổng công ty Lương thực miền Nam.

Ông từ trần ngày 12-2-1989, được an táng tại nghĩa trang liệt sĩ tỉnh Đồng Tháp.

Ông đã được Đảng và Nhà nước tặng thưởng Huân chương Độc lập hạng Ba, Huân chương Quân Công hạng Hai, Huân chương Kháng chiến hạng Nhứt, Huy hiệu 40 năm tuổi Đảng.

NGUYỄN VĂN PHẤN

(1942 – 1991)

Nguyễn Văn Phấn (tên thường dùng Tư Phấn), sinh năm 1942 tại xã Thường Phước, quận Hồng Ngự, tỉnh Châu Đốc (nay là xã Thường Phước I, huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp). Tham gia cách mạng 1960, vào Đảng Cộng sản Việt Nam 1965. Cấp bậc cao nhất: đại tá. Chức vụ: Trưởng Công an huyện Tháp Mười. Thương binh hạng A.

Xuất thân trong gia đình và quê hương có truyền thống cách mạng nên Tư Phấn sớm giác ngộ, gia nhập đội tự vệ ấp, sau được đề bạt Tiểu đội phó.

Năm 1963, Nguyễn Văn Phấn được điều lên tỉnh, bổ sung vào đơn vị bảo vệ Tỉnh ủy Kiến Phong và làm cận vệ đồng chí Bí thư Tỉnh ủy.

Đơn vị bảo vệ (C279) được giao nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ căn cứ Xẻo Quýt cho cơ quan Tỉnh ủy. Tư Phấn cùng đồng đội đào mương, đắp công sự, làm hầm bí mật, lên liếp trồng cây xanh che khuất trong và ngoài căn cứ. Công việc cực nhọc, khó khăn, đời sống thiếu thốn... nhưng Tư Phấn luôn hoàn thành nhiệm vụ. Ngoài việc xây dựng thế trận du kích chiến tranh (cắm ngù, bẫy tử địa, gài chông, lựu đạn...), Nguyễn Văn Phấn còn tích cực giáo dục nhân dân quanh căn cứ có ý thức phòng gian, bảo mật; thường xuyên phối hợp du kích xã, ấp, tự vệ các cơ quan bố trí trận địa chống địch càn quét, đánh phá. Ngoài điểm Xẻo Quýt, Tư Phấn còn cùng đồng đội xây dựng nhiều điểm căn cứ dự phòng cho Tỉnh ủy.

Trách nhiệm bảo vệ đồng chí Bí thư Tỉnh ủy còn nặng nề hơn, nhất là lúc đi công tác. Một lần đang đi, đoàn cán bộ bị giặc phục kích nổ súng, đồng chí Bí thư Tỉnh ủy bị thương, Tư Phấn vừa chiến đấu chặn địch, vừa cùng một đồng đội khiêng đồng chí Bí thư Tỉnh ủy trên võng, vượt qua quãng đường 15 cây số an toàn, bắt chấp nước ngập, cò đứng hoang vu...

Trong suốt 12 năm công tác tại đơn vị C279, Nguyễn Văn Phấn đã hàng chục lần bảo vệ đồng chí Bí thư Tỉnh ủy đi công tác, phục vụ Tỉnh ủy họp hội; tham gia bao vây tấn công đồn bót địch và chống địch càn quét đánh phá căn cứ. Trong chiến đấu anh luôn mưu trí, dũng cảm diệt nhiều địch. Như các trận:

- Ngày 6-1-1969, Tỉnh ủy họp hội nghị mở rộng ở xã Bình Hàng Tây. Giặc dội bom; đổ 1 đại đội Mỹ đánh vào khu vực hội nghị. Mũi do Tư Phấn chỉ huy có 5 người, chờ địch cách ta 5 mét anh mới ra lệnh nổ súng. Vừa bắn vừa xung phong áp đảo diệt địch, thu vũ khí. Suốt ngày, Tư Phấn cùng đồng đội vừa đánh địch, chịu đựng bom đạn, vừa mưu trí đưa 60 cán bộ thoát khỏi vòng vây của địch an toàn. Trận này ta diệt 75 tên Mỹ. Riêng Tư Phấn diệt 14 tên.

- Từ tháng 2-1969 đến tháng 4-1974, Tư Phấn cùng đồng đội đánh địch 5 trận bảo vệ an toàn căn cứ.

Trong đợt phối hợp chiến dịch Hồ Chí Minh, Nguyễn Văn Phấn chỉ huy đơn vị bao vây bức rút đồn Ngã Cái (cấp đại đội) thu nhiều súng đạn; sau đó tiếp quản Ty Cảnh sát Sa Đéc và Kiến Phong, cùng đồng đội truy bắt 646 tên gián điệp, ác ôn, tổ chức cho ngụy quân, ngụy quyền đăng ký trình diện.

Suốt từ năm 1963 đến ngày toàn thắng 30-4-1975, đơn vị C279 đã chiến đấu và bảo vệ tốt căn cứ, bảo vệ an toàn cán bộ lãnh đạo và các cuộc hội nghị quan trọng; chưa hề có tên giặc nào lọt vô được căn cứ. Nguyễn Văn Phấn đã chỉ huy và trực tiếp đánh địch chết và bị thương 208 tên (có 75 tên Mỹ), bắt 30 tên, phá hủy 7 xà lan và ghe quân sự, bắn rớt 2 máy bay trực thăng... Thành tích chiến đấu và bảo vệ cơ quan lãnh đạo tỉnh của Nguyễn Văn Phấn góp phần cho đơn vị C279 được tuyên dương Anh hùng các lực lượng vũ trang nhân dân.

Sau ngày 30-4-1975, từ cấp bậc đại đội trưởng an ninh vũ trang, Tư Phấn được giao nhiệm vụ Trưởng phòng Cảnh sát bảo vệ; năm 1981 làm Phó chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy cảnh sát thuộc Công an tỉnh. Tháng 6-1985, được điều về làm Trưởng Công an huyện Tháp Mười, cấp bậc Đại tá. Đến tháng 4-1990 được nghỉ hưu và bệnh từ trần ngày 6-4-1991.

Nguyễn Văn Phấn đã được tặng thưởng Huân chương Chiến công hạng Ba, Huân chương Chiến sĩ giải phóng, Danh hiệu Dũng sĩ diệt Mỹ cấp 2, nhiều Bằng khen, Giấy khen và được Chủ tịch nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam truy tặng danh hiệu Anh hùng các lực lượng vũ trang nhân dân, ngày 21-01-1997.

NGUYỄN THỊ PHIẾN (1945 - 1966)

Nguyễn Thị Phiến tên thường dùng là Võ Thị Hồng, sinh năm 1945, quê xã Vĩnh Thạnh (nay thuộc huyện Lập Vò, tỉnh Đồng Tháp).

Xuất thân từ một gia đình nông dân nghèo, cha (Nguyễn Văn Hoàng) là liệt sĩ, mấy chị em ruột đều sớm tham gia cách mạng.

Năm 1963, 1964 làm giao liên công khai cho xã Long Hưng, Hồng rất nhanh lẹ, khôn khéo tìm cách đánh lạc hướng theo dõi của địch, bảo vệ bí mật an toàn công văn, giấy tờ và đường dây liên lạc. Hồng còn đào được 7 hầm bí mật để nuôi giấu cán bộ, vận động được 12 chị em phụ nữ tham gia rải truyền đơn, dán khẩu hiệu, đi đấu tranh chính trị với địch.

Năm 1965, hoạt động công khai bị lộ, Hồng được điều về công tác ở đơn vị Quân y huyện Lập Vò đóng tại lổm căn cứ thuộc xã Long Hưng, vùng trọng điểm càn quét, đánh phá của địch. Việc nuôi dưỡng, cứu chữa cho thương binh rất khó khăn, chuyển về tuyến sau thì chưa được. Đơn vị phải phân công nhau vừa chiến đấu bảo vệ, vừa nuôi dưỡng chăm sóc ngày đêm. Tuy là nữ, nhưng Hồng không ngại khó khăn nguy hiểm, tìm mọi cách gần gũi động viên, tận tình lo cơm cháo cho thương binh. Tranh thủ cùng với đồng đội tổ chức đào hầm hào tránh bom pháo và cất giấu thương binh khi có giặc.

Tháng 5-1966, Hồng cùng đơn vị chiến đấu chống địch càn quét vào căn cứ, diệt 2 tên, làm bị thương 2 tên, bảo vệ an toàn cho thương binh.

Trận chiến đấu anh dũng và quyết liệt nhất vào ngày 25-10-1966. Lúc 12 giờ, một chi đoàn xe bọc thép M113 gồm 15 chiếc, chở hơn 100 lính, do tên phản bội Út Phên ra đầu hàng địch dẫn đường đánh vào quân y Lập Vò đang đóng tại Trà Bông (Long Hưng).

Trạm Quân y chỉ có thương binh và 2 nhân viên là Hồng và Hùng (Bùi Văn Nổi). Hồng, Hùng nhanh chóng chuyển thương binh xuống hầm trú ẩn, rồi quay trở ra bung một thùng giẻ lợp đạn định đi gài, nhưng không kịp, địch đã tới gần. Hồng, Hùng xuống công sự. Biết mình chỉ có một cây trường bá đả với hơn một chục trái lựu đạn, nên phải chờ cho địch đến thật gần mới nổ súng.

Địch dùng hỏa lực mạnh đậm độ rồi tiến vào. Chiếc M113 đi đầu cán phải mìn phụt cháy. Chúng lùi lại bắn xối xả rồi kéo vào. Hồng tung 1 quả lựu đạn làm chết và bị thương 4 tên. Một chiếc M113 sừng lại chuẩn bị tấn công. Không chần chừ, Hồng ném tiếp quả lựu đạn thứ 2 vào xe, làm xe bị hỏng. Địch lùi ra, bắn dữ dội, dùng loa kêu gọi đầu hàng rồi cho lính xông vào.

Địch dùng lựu đạn ném cấp tập vào công sự của ta và cho xe M113 càn vào.

Nấp công sự bị bung ra. Một trái lựu đạn của địch lọt vào công sự, Hồng nhanh tay chụp lấy ném trả lại. Cuối cùng có một trái lựu đạn vô và nổ trong công sự làm Hồng hy sinh, còn Hùng thì mất một cánh tay. Cố gắng chịu đựng, còn trái lựu đạn cuối cùng, chờ địch vô gàn. Hùng dồn sức giương ném trái lựu đạn vào lũ địch và ngất xỉu đi.

Quân địch hốt hoảng tháo lui, vội vã rút quân.

Kết quả 2 chiến sĩ Hồng và Hùng đã đánh lui 6 đợt tấn công của địch, diệt 19 tên, đánh hư 3 xe M113, bảo vệ được căn cứ và thương binh, nêu cao tấm gương chiến đấu kiên cường, bất khuất của chiến sĩ quân y.

Ngày 20-12-1994 liệt sĩ Võ Thị Phiến (Hồng) được Chủ tịch nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam truy tặng danh hiệu Anh hùng các lực lượng vũ trang nhân dân.

Có sợ thì thôi, chẳng sợ thì...
Đầu mình mình cao, bầm oi chi
Cát than hữu dụng dầu treo động,
Đám tộc vô lương chẳng sợ gì.
Đã muốn thoát mình trong tục lụy,
Sao còn gục ở dưới thềm đi.
Mấy lời nhân lễ văn minh thì,
Có sợ thì thôi, chẳng sợ thì...

Cô lao Trần nằm trong tầng An Tĩnh, cô ông cai tổng hỏi đầu, đã có cháu vợ, lại còn cây thế, ý quyền thương hay vì văn, ép uống dân bỏ góa. Ông làm bài thơ Gà Trống:

Nực cười gà trống mọi công dụng,
Sân lều ăn no đói giáp rỗng.
Bà mầy bảy con con cháu mả,
Đất bạc nhện, vợ cũng chẳng màng.
Chơm rùng nhỏ sạch đầu tư rợ,
Đai cũng bươm bướm dây trống không.
Án tiền đã dành, thêm tức quá,
Một đạo chỉ thầy mới ung lộng.

NGUYỄN DOÃN PHONG
(Thầy Ba Hùng)
(? - ?)

Ông Nguyễn Doãn Phong sanh trưởng tại làng Mỹ Trà (nay thuộc thị xã Cao Lãnh), là một người yêu nước nhiệt thành và có biệt tài về văn thơ. Ông cùng các bạn đồng chí ngấm ngầm hoạt động, hỗ trợ, giúp đỡ các nhà cách mạng không ngại hiểm nguy. Ông nhiều lần bị tù đày vì hoạt động này.

Thơ văn của ông còn truyền tụng đến ngày nay, phần nào bộc lộ tâm chí của ông. Vào đầu thế kỷ, khi mọi người hưởng ứng phong trào cắt tóc ngắn do phong trào Duy Tân và Đông kinh nghĩa thực phát động, có một người ở làng Hòa An (Cao Lãnh), muốn cắt tóc nhưng lòng còn lo sợ, bèn trầu rượu đến xin phép nhà chức trách đương thời. Ông liền có bài thơ châm biếm:

Có sợ thì thôi, chẳng sợ thì...

Đầu mình mình cạo, bắm ai chi

Cái thân hữu dụng dầu trao dặng,

Đám tóc vô lương chẳng sợ gì.

Đã muốn thoát mình trong tục lụy,

Sao còn gục óc dưới thềm đề.

Mấy lời nhắc kẻ văn minh thế,

Có sợ thì thôi, chẳng sợ thì...

Cù lao Trâu nằm trong tổng An Tịnh, có ông cai tổng hói đầu, đã có nhiều vợ, lại còn cậy thế, ý quyền thường hay ve vãn, ép uông đàn bà góa. Ông làm bài thơ Gà Trống:

Nực cười gà trống cựa cong cong,

Sẵn lúa ăn no đào giáp vòng.

Đã mấy bầy con còn chóc mỏ,

Biết bao nhiêu vợ cũng chong mòng.

Chòm lông nhỏ sạch đầu trơn trọi,

Hai cẳng bơi hoài đầy trống không.

Ăn bả đã đành, thêm túc mái,

Một dao chỉ thủ mới ưng lòng.

LƯU KIM PHONG (1905 – 1992)

Ông Lưu Kim Phong (bí danh Bảy Quới, Tám Phương) sinh năm 1905, tại làng Mỹ Trà, quận Cao Lãnh, tỉnh Sa Đéc (nay là xã Mỹ Trà, thị xã Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp), trong gia đình Nho giáo yêu nước. Nhờ hấp thụ tư tưởng, văn hóa và truyền thống yêu nước của gia đình, quê hương nên ông sớm tham gia hoạt động cách mạng.

Năm 1925, ông cùng Phạm Hữu Lầu, Trần Văn Mảng, Nguyễn Như Ý... tổ chức thành công lễ truy điệu cụ Phan Chu Trinh tại chợ Cao Lãnh.

Tháng 7-1927, ông được chọn (cùng 3 thanh niên khác) sang Quảng Châu (Trung Quốc) dự khóa huấn luyện hoạt động cách mạng do Nguyễn Ái Quốc tổ chức. Học xong, ông được kết nạp vào Thanh niên Cách mạng đồng chí Hội và được phân công về Cao Lãnh, Sa Đéc hoạt động (tháng 12-1927). Đầu năm 1928, ông thành lập Tổ Thanh niên Cách mạng đồng chí Hội đầu tiên ở Hòa An (Cao Lãnh).

Ông Lưu Kim Phong là người đầu tiên ở tỉnh Sa Đéc cung cấp tin tức về Nguyễn Ái Quốc cho cụ Phó bảng Nguyễn Sinh Sắc lúc cụ ở Cao Lãnh. Tháng 6 năm 1928, ông bị mật thám bắt giải lên Sài Gòn (bót Catina) khảo tra nhưng ông không khai báo. Được thả ra, ông về Cao Lãnh tiếp tục hoạt động, sau đó chuyển địa bàn lên vùng Phong Thạnh Thượng, Đốc Vàng, Chợ Mới, Hồng Ngự... gây dựng cơ sở, chuẩn bị tư tưởng và tổ chức, tiến tới thành lập chi bộ Đảng đầu tiên của tỉnh Long Xuyên vào tháng 4-1930 tại Long Điền, Chợ Mới và nhiều chi bộ, tổ chức Công hội, Nông hội... ở những nơi này từ đầu năm 1930.

Ngày 25-8-1930, ông bị bọn tề ở Tân Mỹ (Chợ Mới) bắt khảo tra, giải lên tỉnh Long Xuyên, bị ghép tội đồng lõa với nhóm Nguyễn Văn Cung, bị kêu án tù 4 năm đày đi Côn Đảo. Năm 1934 mãn hạn tù trở về ông tiếp tục hoạt động cách mạng ở Cần Thơ, Cao Lãnh... đưa phong trào Đông Dương đại hội, Mặt trận dân chủ lên cao.

Ngày 2-9-1939, ông cùng 14 đồng chí nữa bị mật thám Pháp bắt về tội “hoạt động chánh trị”, bị giam hơn 6 tháng ở khám Vĩnh Long.

Ra tù, ông chuyển qua vùng Cái Tắc (Cần Thơ), Núi Sập, Vọng Thê (Long Xuyên) tiếp tục công tác.

Trong cuộc kháng chiến chống Pháp và Mỹ, ông Lưu Kim Phong công tác tại các cơ quan: Ban nghiên cứu điền địa Tỉnh ủy Cần Thơ, dự khóa huấn luyện Lê Duẩn (khóa 3), Ty Ngân Khố Cần Thơ, công tác Tiếp liệu và Kinh tài cho Xứ ủy Nam Bộ.

Sau 30-4-1975, ông Lưu Kim Phong công tác Mặt trận thành phố Cần Thơ. Đến ngày 6-3-1977 ông được nghỉ hưu.

Những năm cuối đời, ông Lưu Kim Phong đóng góp nhiều tư liệu lịch sử rất có giá trị cho công tác biên soạn lịch sử địa phương tỉnh Đồng Tháp, An Giang...

Ông bệnh và từ trần ngày 27-11-1992 tại huyện Châu Thành, tỉnh Cần Thơ (năm 2004 là thành phố Cần Thơ), hưởng thọ 87 tuổi.

NGUYỄN THANH PHONG

(1929 -)

Ông Nguyễn Thanh Phong, tên gia đình là Nguyễn Long Noãn, sinh năm 1929, quê làng Mỹ Trà, quận Cao Lãnh, tỉnh Sa Đéc (nay là tỉnh Đồng Tháp).

Học hết sơ học, sớm giác ngộ cách mạng, từ tháng 7-1945 ông gia nhập Thanh niên Cứu quốc và Ủy viên Ban Chấp hành Thanh niên Cứu quốc xã Mỹ Trà, tham gia cướp chính quyền tại địa phương. Tháng 7-1947, ông được cử đi học bổ túc văn hóa và là Ủy viên Ban Chỉ huy trường. Cuối năm 1948, ông là cán bộ Xã hội tỉnh Sa Đéc và được kết nạp vào Đảng Cộng sản Việt Nam đầu năm 1949. Giữa năm 1950, ông được rút lên làm cán bộ Ban Tổ chức Trung ương cục, Trưởng tổ nghiên cứu, Bí thư chi bộ cơ quan.

Tập kết ra Bắc, đầu năm 1955 ông là cán bộ Ban Tổ chức Thành ủy Hà Nội. Đến Tháng Tám-1955 ông được điều động làm cán bộ Ban Tổ chức Trung ương, Trưởng phòng Thống kê nhân sự và Bí thư chi bộ.

Đầu năm 1958, ông đi học trường Đại học Kinh tế - Kế hoạch, vừa là sinh viên vừa là chi ủy viên tham gia chi bộ trường, Ủy viên Ban Chấp hành Hội Liên hiệp sinh viên trường.

Tháng 6-1961 tốt nghiệp Đại học, ông được giữ lại làm giảng viên môn Kinh tế Chánh trị trường Đại học Kinh tế - Kế hoạch, đồng thời là Phó Bí thư chi bộ, Ủy viên thường vụ Ban Chấp hành Công đoàn trường. Cuối năm 1964, ông làm cán bộ nghiên cứu tình hình kinh tế miền Nam của Ban Thống nhất Trung ương.

Tháng 3-1965 ông lên đường về Nam, là Trưởng đoàn CK43, Bí thư Đảng ủy cơ sở. Tháng Tám-1965, ông nhận công tác tại Ban Kinh tài Khu Trung Nam Bộ, với chức vụ Phó ban phụ trách sản xuất. Đến tháng 3-1968, ông được giao nhiệm vụ Phó Văn phòng Khu ủy, Trưởng Ban nghiên cứu tổng hợp, Ủy viên Đảng ủy Liên cơ Dân Chánh Đảng khu, Trưởng Ban nghiên cứu phía sau. Tháng 9-1973, ông là Phó Ban Kế hoạch Khu ủy và sau đó là Phó Ban Kinh tế Tài chánh Khu ủy, Phó Ban Kinh tế Kế hoạch Khu, Bí thư Đảng ủy Liên cơ Dân Chánh Đảng Khu.

Khi tỉnh Đồng Tháp thành lập, ông về Đồng Tháp, được bầu vào Tỉnh ủy, đắc cử vào Hội đồng Nhân dân tỉnh và là Phó Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh, Chủ nhiệm Ủy ban Kế hoạch tỉnh Đồng Tháp. Ông là đại biểu Đảng bộ tỉnh đi dự Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IV, thứ V và là đại biểu Quốc hội khoá VII, khoá VIII.

Tháng 3-1977, ông được bầu vào Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Phó Chủ tịch thường trực Ủy ban Nhân dân tỉnh. Tháng Tám-1986, ông được bầu Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng Nhân dân, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh.

Năm 1992, ông được điều động làm Phó Chủ nhiệm chuyên trách Ủy ban Kinh tế và Ngân sách Quốc hội khoá IX. Với kiến thức sâu rộng về Kinh tế - Kế hoạch, ông đã đóng góp nhiều trí tuệ cho sự phát triển của tỉnh và cho Quốc hội.

Năm 1999 ông được nghỉ hưu và ngụ ở quận Ba thành phố Hồ Chí Minh. Tuổi cao ông vẫn tích cực tham gia Ban Chủ nhiệm Hội đồng hương Đồng Tháp tại thành phố Hồ Chí Minh, nhiệt tình đóng góp cho tỉnh nhà.

Ông được tặng danh hiệu Chiến sĩ thi đua năm 1952, Huy hiệu Thành đồng Tổ quốc, Huân chương Kháng chiến hạng Ba, Huân chương Lao động hạng Ba, Huân chương Quyết thắng hạng Nhứt, Huân chương Chống Mỹ cứu nước hạng Nhứt, Huy hiệu 50 năm tuổi Đảng (1997).

Năm 1889, tổng An Mỹ khuyến chức Phó Tổng. Thấy ông Nguyễn Xuân Phong là người từng làm việc trên tỉnh, viên chức các làng cũ ông làm Phó tổng An Mỹ.

Từ 1905- 1916, ông là Cai tổng An Mỹ khi nghỉ hưu. Năm 1917, được phong hàm Tri huyện.

Trong thời gian làm Cai tổng, ông có công xây làm con đường Sá Đai Diên Hòa, chạy dọc theo rạch Núi Mần, rông ra vịnh rạch Chai Tàu Hẹ (đổ ra V. nay là Tân Lộ 854), nên bởi đó người ta đặt tên cho con đường ấy là "Đường Huyện Phong".

Ông Nguyễn Xuân Phong có ba người con: Nguyễn Xuân Hiên (Thầy kỳ tại đình Sỏi phủ Nam Kỳ, làm chủ quán chiếu nước), Nguyễn Xuân Quan (Cả nhưn Luật khoa - Liemke' en Droit), Nguyễn Xuân Giắc (Thầy sĩ Luật khoa - Docteur en droit). Hồi những năm đầu thế kỷ XX, ở đình Sỏi Đéc và cả Nam Kỳ người ta thường nói đến gia đình "Huyện Phong, Phó Hiên, Tôn Quan, Tôn Giắc", được xem như một gia đình danh giá, trong chỗ trở dậy "Tôn Hiên".

NGUYỄN XUÂN PHONG (1853 - 1917)

Ông Nguyễn Xuân Phong, sanh năm Quí Sửu (1853), tại làng Tân Hựu, tổng An Mỹ (nay thuộc xã Tân Nhuận Đông, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp).

Năm 1875, dưới thời Pháp thuộc, ông bị bắt vào cơ lính “Mã Tà” (lính bốn xứ, phục vụ cho Pháp) tại tỉnh. Tham biện Chủ tỉnh Sa Đéc là Escoubet thấy ông biết chữ Quốc ngữ, biết tính toán nên chọn cho làm việc trong văn phòng Tòa Bố, dần được thăng Cai Thờ lại, Đội nhì, Đội nhứt. Mấy năm sau, ông xin nghỉ vì bệnh.

Năm 1889, tổng An Mỹ khuyết chức Phó Tổng, thấy ông Nguyễn Xuân Phong là người từng làm việc trên tỉnh, viên chức các làng cử ông làm Phó tổng An Mỹ.

Từ 1905- 1916, ông là Cai tổng An Mỹ, rồi nghỉ hưu. Năm 1917, được phong hàm Tri huyện.

Trong thời gian làm Cai tổng, ông có công xin làm con đường đá đỏ Biên Hòa, chạy dọc theo rạch Nha Môn, vòng ra vàm rạch Cái Tàu Hạ (lộ chữ V, nay là Tỉnh lộ 854), nên hồi đó người ta đặt tên cho con đường ấy là “đường Huyện Phong”.

Ông Nguyễn Xuân Phong có ba người con: Nguyễn Xuân Hiên (Thơ ký tại dinh Soái phủ Nam Kỳ, làm chủ quận nhiều nơi), Nguyễn Xuân Quan (Cử nhơn Luật khoa – Licencie’ en Droit), Nguyễn Xuân Giác (Tiến sĩ Luật khoa –Docteur en droit). Hồi những năm đầu thế kỷ XX, ở tỉnh Sa Đéc và cả Nam Kỳ người ta thường nói đến gia đình “Huyện Phong, Phủ Hiên, Tòa Quan, Tòa Giác”, được xem như một gia đình danh giá, trong nhà trở đặng “Tam khôi”...

NGUYỄN VĂN PHỐI (1916- 1966)

Ông Nguyễn Văn Phối sinh năm 1916, quê làng Mỹ Ngãi, quận Cao Lãnh, tỉnh Sa Đéc (nay là xã Mỹ Ngãi, thị xã Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp).

Sanh ra từ một gia đình nông dân có truyền thống yêu nước, cách mạng. Cha là Nguyễn Văn Huân, chủ ruột là Nguyễn Minh Mẫn đều tham gia hoạt động cách mạng trong những năm 30, nên đều bị thực dân Pháp bắt đày đi Côn Đảo. Ngay từ lúc thiếu thời, còn đi học ở Cao Lãnh, ông đã tích cực tham gia phong trào học sinh đấu tranh đòi ân xá Phan Bội Châu, để tang Phan Chu Trinh, nên bị đuổi học. Về xã ông làm liên lạc cho chi bộ.

Từ năm 1936 đến năm 1939, ông hăng hái tham gia phong trào Đông Dương Đại hội và được kết nạp vào Đảng Cộng sản năm 1939. Sau cuộc khởi nghĩa Nam Kỳ năm 1940, ông bị đế quốc Pháp bắt giam ở nhà tù Bà Rá, đến tháng 3 năm 1945. Ra tù, ông tiếp tục hoạt động ở chi bộ Mỹ Ngãi - Phong Mỹ. Tháng 4-1945 ông được chi bộ cử làm đại biểu đi dự hội nghị Liên Tỉnh ủy Long Xuyên - Sa Đéc để bầu đại biểu đi dự hội nghị Tân Trào.

Tháng 6 năm 1945 ông được cử làm Huyện ủy viên Huyện ủy Cao Lãnh, cuối năm 1946 được đề bạt vào ban Thường vụ, đến tháng 3 năm 1947 làm Bí thư Huyện ủy. Tháng 8 năm 1948 là Ủy viên Thường vụ Tỉnh ủy Sa Đéc, phụ trách Hội Nông dân tỉnh.

Năm 1951- 1952 ông làm Phó Chủ tịch Ủy ban Kháng chiến Hành chánh tỉnh, kiêm Trưởng ban kinh tế tài chánh. Cuối năm 1952 được cử làm Phó Bí thư/Chủ tịch Ủy ban Kháng chiến hành chánh tỉnh Long Châu Sa cho đến năm 1954.

Được cử ở lại miền Nam, từ cuối năm 1954 đến đầu năm 1960 ông làm Bí thư Tỉnh ủy các tỉnh Sa Đéc, Long An, Kiến Phong và là Ủy viên Liên Tỉnh ủy (Khu Ủy viên Khu 8).

Sau cuộc đồng khởi năm 1960, ông được Khu ủy Khu 8 rút lên, phân công phụ trách quân sự, được bổ sung vào Ban Thường vụ Khu ủy. Khi Bộ tư lệnh Quân Khu 8 được thành lập, ông được bổ nhiệm làm Phó Tư lệnh Chánh trị Quân Khu 8.

Cuối năm 1961, ông được Trung ương cục rút lên, phân công làm Chánh ủy đoàn 962, nhiệm vụ chánh là tổ chức vận chuyển vũ khí từ Bắc vào Nam bằng đường biển. Năm 1966, trong một chuyến đi công tác từ Bến Tre qua Trà Vinh, tàu của ông bị tàu địch phát hiện ở cửa biển Cổ Chiên, gần Vàm Khâu Bàng thuộc xã Thạnh Phong, huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre, ông đã nổ mìn phá tàu, hy sinh anh dũng, không để địch lấy được vũ khí.

TRẦN VĂN PHỤC (1930 - 1972)

Ông Trần Văn Phục (Hai Phi) sanh năm 1930 tại làng Long Hưng, quận Lai Vung, tỉnh Sa Đéc (nay là huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp). Gia đình, quê hương ông giàu truyền thống cách mạng.

Năm 1948, Hai Phi tham gia du kích xã Long Hưng, sau đó phụ trách an ninh xã, được kết nạp vào Đảng Cộng sản Việt Nam, vào cấp ủy xã. Năm 1961, làm Phó Ban An ninh huyện Lấp Vò; 1962 vào Huyện ủy làm Trưởng Ban và sau là Ủy viên Ban thường vụ Huyện ủy/Trưởng Ban An ninh huyện.

12 năm công tác, chiến đấu trong lực lượng an ninh huyện Lấp Vò, Hai Phi cùng đồng đội trực tiếp và phối hợp bộ đội chiến đấu trên 200 trận.

Một số thành tích tiêu biểu của Hai Phi.

- Năm 1961-1962: Ông trực tiếp chỉ huy xây dựng xã chiến đấu ở các xã Long Hưng, Vĩnh Thạnh, Bình Thạnh Trung và phá ấp chiến lược ở vành đai Long Hậu, Tân Phước. Trong trận chiến đấu ác liệt với địch tại xã Tân Phước, quân địch bao vây không thể rút được, ông cùng đồng đội bám trụ đánh địch suốt ngày, đến tối rút về căn cứ an toàn.

- Từ 1962 đến 1963, ông phát hiện và tiêu diệt nhiều tên gián điệp, nội gián, chiêu hồi chỉ điểm ác ôn. Năm 1964, tên Tắc là gián điệp chỉ điểm ở xã Long Hưng; khi bị ta phát hiện, hắn chạy về đồn nhưng đã bị Hai Phi đón đầu bắn chết tại chỗ.

- Năm 1965, Nghiệp là cán bộ ấp Hưng Thành Tây, Long Hưng đầu hàng chỉ điểm cho địch bắt một số cán bộ của ta. Huyện ủy có nghị quyết phải tiêu diệt tên Nghiệp. Ngày 14-6-1965, tên Nghiệp dẫn toán lính đi chỉ điểm, Hai Phi cùng tổ công tác phục kích tiêu diệt 4 tên, bắt 3 tên, trong đó có tên Nghiệp, thu 6 súng. Cũng trong năm 1965, ông đã diệt tên Hai Hí là gián điệp chỉ điểm.

- Trong cuộc tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân 1968, Hai Phi cùng tổ công tác Ban An ninh chặn đánh 1 tiểu đội cảnh sát địch đi từ hướng Vàm Cống vô quận lỵ Lấp Vò, bắn chết 1 trưởng ấp, 1 tề ấp và bắt 1 tên, trong đó có tên trung sĩ Tình, cảnh sát ác ôn, thu vũ khí và 1 xe Honda.

- Cũng trong năm 1968, tên Danh, Đội trưởng Đội tuyên truyền của huyện đầu hàng địch, chỉ điểm cho trực thăng đánh phá ác liệt căn cứ của ta ở Long Hưng. Thực hiện chỉ đạo của Huyện ủy, Hai Phi đã trực tiếp phục kích bắt tên Danh và xử tử hình.

- Sau cuộc tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân (1968), địch tổ chức phản kích ác liệt. Chúng huy động nhiều lực lượng của Lấp Vò, Sa Đéc, An Giang... có xe bọc thép, máy bay yểm trợ đánh vào căn cứ của ta ở Rạch Dước, xã Bình Thạnh Trung. Hai Phi cùng lực lượng an ninh và bộ đội địa

THƯ VIỆN ĐỒNG THÁP

PHÒNG TRA CỨU

SANL M. 271

phương đánh quyết liệt, sau 2 ngày quân ta đẩy địch ra khỏi khu căn cứ. Kết quả, lực lượng An ninh Huyện diệt 30 tên địch, thu nhiều vũ khí, riêng Hai Phi diệt 4 tên địch.

Cuối tháng 12 năm 1972, Hai Phi được Huyện ủy phân công đến Bình Thạnh Trung công tác. Khi về đến Thủ Ô, xã Vĩnh Thạnh bị trung đội biệt kích nguy phát hiện bao vây định bắt sống. Địch đông, ta chỉ có 3 người (Hai Phi và 2 chiến sĩ an ninh huyện) vừa chiến đấu vừa rút về căn cứ. Địch càng siết chặt vòng vây. 2 chiến sĩ an ninh đã hy sinh 1, còn 1 bị thương nặng. Bản thân anh cũng bị thương chân trái. Trước tình thế đó, anh thủ tiêu toàn bộ tài liệu và bắn hết viên đạn cuối cùng, nằm sấp lên người đồng đội rút chốt trái lựu đạn giấu dưới bụng. Đợi khi chúng đến, anh buông lựu đạn, làm 3 tên chết, 2 tên bị thương nặng. Hai Phi anh dũng hy sinh.

Ông Trần Văn Phục (Hai Phi) được tặng thưởng Huân chương Quyết thắng hạng Nhứt, Huân chương Giải phóng hạng Nhứt, Huân chương Độc lập hạng Nhì, Huân chương Kháng chiến hạng Ba, nhiều Bằng khen, Giấy khen...

Ngày 1-9-2000, Trần Văn Phục (Hai Phi) được Chủ tịch nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam truy tặng danh hiệu Anh hùng các lực lượng vũ trang nhân dân.

Cuộc đời là bao nhiêu năm, sống kiếp má hồng phận bạc, đau thương chồng chất, nhưng tôi vẫn kiên cường chịu đựng, can đảm vượt qua số phận ngang trái, lòng ở lòng, sống chuyên việc nhà, việc nước.

Hà xút an bày tỏ nỗi niềm, nỗi nước

Cuộc ruợu Nam thành một nỗi nỗi

Trên xút ai này cũng bày tỏ

Anh Tây chiến trường quăng, hai người

Chỉ cách ai xa nên chiến đấu

Điện đài lung lay thường vắng tiếng

Quét trái lựu đạn bằng vôi đen

Trong ngôi chông nện, tôi chết cả

Cuộc ruợu Nam thành một nỗi nỗi

Chết rồi vậy

Tình thân yêu, nước nhà đã để lại kỷ niệm đau đớn

Đã trải phần in phần nỗi đau

Cũng ở đây nơi đây, dưới vầng trăng

Đau như nỗi đau khổ đau lòng nện

Phải nước chúng tôi mới giành được

TRẦN KIM PHỤNG

(? - ?)

Trần Kim Phụng, tục danh cô Hai Hồn, đạo hiệu Hương Thanh, không rõ năm sanh, năm mất (có tài liệu ghi năm sanh của bà vào khoảng cuối thế kỷ XIX).

Bà sanh trưởng trong một gia đình thâm nhuần Nho giáo ở Sa Đéc (nay thuộc tỉnh Đồng Tháp), nổi tiếng thông Hán học, giỏi văn thơ từ thuở nhỏ, sống cùng thời với chí sĩ Đông du - Nguyễn Quang Diêu (1880-1936) và nữ sĩ Sương Nguyệt Anh - Nguyễn Xuân Khuê (1863 - 1921), chủ bút tuần báo Nữ giới chung (1918).

Năm 10 tuổi, bà có bài thơ vịnh *Cây vạn thọ*. Thơ bà gồm nhiều đề tài từ lịch sử (Phi Long Công Chúa), bạn tâm giao (Hoài cảm, Tống biệt, Tiễn bạn Nguyễn Thị Dư qui cố hương), hoặc xướng họa cùng bạn hữu gần xa (Tự ngôn, Tự bạch), để lại nhiều giai thoại lý thú. Đáng ghi nhớ nhất là cuộc so tài với nhà Nho, nhà giáo nổi tiếng hay thơ Nguyễn Ngọc Minh (ở Cao Lãnh).

Cuộc đời bà lưu lạc nhiều nơi, sống kiếp má hồng phận bạc, đau thương chồng chết, nhưng bà vẫn can đảm chịu đựng, can đảm vượt qua số phận ngang trái, long đong, xoay chuyển việc nhà, việc nước ...

Bà xót xa bày tỏ nỗi nhọc mệt nước
*Cuộc rượu Nam thành thật rất vui,
Trộm xem ai nấy cũng say vui.
Anh Tây chênh choáng quăng chai ngược,
Chủ khách xí xô ném chén xuôi.
Giận đất lung lay không vững bước,
Cười trời lững đững bóng vẫn lui
Đứng ngồi chẳng tiện, lời thôi cả,
Cuộc rượu Nam thành thật rất vui !
(Buổi tiệc vui)*

Tinh thần yêu nước của bà đã bộc lộ qua thơ văn

*Vẫn biết phận là phận nữ dung,
Cũng trong trái đất, dưới vầng hồng.
Đạo nhà riêng giữ ba từng vện,
Việc nước chung chia nửa gánh gồng.*

Chẳng những râu mày hay nghĩa vụ,
Khá đem son phấn vẽ non sông.
Khuyên cùng nữ sĩ trong ba cõi,
Đàng trước gương Trưng lóng tiếng công

Rằng ta tuy phận đàn bà
Tắc lòng yêu nước cũng là như ai.
Việc đời ta phải chung vai,
Non sông gánh vác, gái trai khác nào.
Mình sức mạnh Tây nào dám để,
Sức mạnh nhờ toàn thể cùng lo,
Xưa nay độc lập, tự do,
Phải giành mà lấy, ai cho không mình.
Vận Tổ quốc lên đành đường ấy,
Mình không lo, nhờ cậy vào ai...

Và trong thực tế, năm 1913, nữ sĩ Trần Kim Phụng là một trong những người đóng vai trò “hộ giá” Kỳ ngoại hầu Cường Đế từ Nhật Bản về nước, đi nhiều nơi vùng đồng bằng sông Cửu Long, vận động tài chính và du học sinh cho phong trào Đông du. Trong đó có Cao Lãnh...

NGUYỄN THỊ PHƯỚC (1835-1919)

Bà Nguyễn Thị Phước tự Năm Phước, người làng Mỹ Trà (nay thuộc thị xã Cao Lãnh), là một điền chủ yếu nước, giàu lòng nhân đạo.

Dù là điền chủ lớn, giàu có, nhưng bà không quên giúp đỡ, hỗ trợ những người nghèo. Bà thường tổ chức chôn bần vào những năm lụt lội, mất mùa, đắp đường, bắt cầu, đào kinh. Hiện nay ở xã Tân Thuận Đông còn con kinh Sáu Mỹ (tên con trai của bà là Lê Văn Mỹ, người có tham gia phong trào Đông du). Cũng tại địa phương này, nay còn có chùa Kim Quang (Lâm Vồ), do bà hiến hai mẫu đất và bỏ tiền ra xây dựng.

Năm 1912, Phan Bội Châu thành lập Việt Nam Quang Phục hội ở Quảng Châu (Trung Quốc), đích thân Cường Để về Nam Kỳ và đến Cao Lãnh vận động tài chánh cho phong trào, bà không ngần ngại ủng hộ 2.000 đồng (giá lúa bấy giờ là 0,20 đồng/giạ). Con trai bà, Lê Văn Mỹ nhiều lần bị giặc Pháp bắt giam cầm vì việc này.

Bà qua đời năm 74 tuổi, mộ còn ở Rạch Chùa, xã Mỹ Trà (nay thuộc trung tâm thị xã Cao Lãnh và đã được di dời về chùa Kim Quang vào dịp thanh minh năm 2004). Ông Võ Hoàn, một yếu nhân của Đông Kinh nghĩa thực, lúc bấy giờ đang bị an trí sở Sa Đéc, được tin bà mất có gởi điều đôi vãn, với nội dung:

*Nhứt sanh thiên đế giám,
Chung cuộc quốc dân tri.*

Để ngợi ca công lao và đức hạnh của bà, một thi sĩ địa phương có làm bài thơ sau:

*Dẫu là quần vận cũng như trai,
Đối với non sông thủ một vai.
Trong giúp gia đình, lèo lái vững,
Ngoài lo xã hội, chống chèo hay.
Tranh giành độc lập từng chen mặt,
Tô điểm sơn hà cũng góp tay.
Phụ nữ ngày nay đà tiến bộ,
Nêu gương ái quốc, há nhường ai.*

Viên Chương, Huyết Chi - Nhật ký lập chí, Tập thơ văn nghệ Cao Lãnh, số 22, trang 88 - 89.

VÕ MINH QUANG (1927 – 1935)

Ông Võ Minh Quang, pháp danh Huệ Chí, bút danh Vân Phi, sinh năm 1927 tại làng Hòa Long, quận Lai Vung, tỉnh Sa Đéc (nay thuộc huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp). Ông tu học tại chùa Viên Giác, làng Long Hồ (Vĩnh Long). Sau đó, ông được đến cố đô Huế theo học giáo lý và trở về vun bồi đạo pháp ở chùa cũ.

Năm 1947, trước cao trào kháng chiến chống thực dân Pháp, nhà sư Huệ Chí đã tham gia cách mạng với nhiệt tình yêu nước, tròn vẹn "đạo và đời".

Năm 1953, Huệ Chí hy sinh tại xã Lộc Hòa (Vĩnh Long) trong một cuộc chiến đấu chống giặc càn quét.

Các bài thơ tiêu biểu của ông: *Than thân (I, II)*, *Từ giã ra đi*, *Ra đi ...*

RA ĐI

Cởi áo cà sa mặc chiến bào,
Giã từ thiền viện lướt binh đao.
Câu kinh tiếng kệ chờ khi khác,
Cứu nước thương dân đợi lúc nào?
Bác ái giúp đời ra khốn khổ,
Từ bi độ chúng khỏi gian lao.
Rạng danh phật tử người Nam Việt,
Cương quyết hy sinh giọt máu đào.

* * *

Máu đào rửa sạch vết đau thương,
Vết nhọc ông cha lắm đoạn trường.
Từ thuở đọa đầy nơi ngục tối,
Bao phen chinh phạt chốn biên cương.
Gông cùm trói buộc hề nao núng,
Xiềng xích đánh tan há nhịn nhường.
Nô lệ từ đây dân chúng khỏi,
Ngọn cờ độc lập khắp Nam phương ⁽¹⁾.

⁽¹⁾ xem thêm :

Việt Chung, Huệ Chí - Nhà sư liệt sĩ, Tạp chí văn nghệ Cửu Long, số 22, trang 88 - 89.